

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vĩnh An, ngày 18 tháng 9 năm 2024

GIẢI TRÌNH
V/v Thành lập HTX Minh An Nhiên

Chúng tôi gồm : - Nguyễn Thị Thúy An
- Trương Thị Sinh
- Trương Hoàng Long

Là công dân Việt Nam đầy đủ năng lực hành vi dân sự, với tư cách là những người sáng lập Hợp tác xã Minh An Nhiên, xin giải trình với Ủy ban nhân dân Thị trấn Vĩnh An về kế hoạch thành lập hợp tác xã như sau:

Căn cứ Luật hợp tác xã, Nghị định Chính Phủ, chúng tôi cùng liên kết, góp vốn với các thành viên thành lập Hợp tác xã Minh An Nhiên, chúng tôi nhận thấy có thể tổ chức hợp tác xã với các đặc trưng sau:

Tên HTX: MINH AN NHIÊN

Vốn điều lệ: 500.000.000đ

Tổng số thành viên: 05 thành viên.

Địa chỉ văn phòng HTX: Số 4B, hẻm 272, đường Phan Chu Trinh, KP3, thị trấn Vĩnh An, Vĩnh Cửu, Đồng Nai

Mục tiêu ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất các sản phẩm chăm sóc da và tóc, nước rửa chén, nước lau sàn,... có thành phần chủ đạo là chiết xuất thảo dược

- Trồng cây dược liệu ngắn ngày

Kế hoạch kinh doanh:

Nguồn đầu vào:

Nguyên liệu: Thảo dược có sẵn trong tự nhiên và gieo trồng tại địa phương

Điều kiện về đất: Nhà xưởng sản xuất và văn phòng là của thành viên HTX.

Điều kiện thiết bị: Máy móc, thiết bị do các thành viên góp vốn mua.

Nguồn nhân lực: Là những thành viên HTX và thuê lao động tại địa phương.

Sản phẩm đầu ra:

Cung cấp sản phẩm chăm sóc da và tóc, nước rửa chén, nước lau sàn,... có thành phần chủ đạo là chiết xuất thảo dược, đem lại thu nhập cho các thành viên và người lao động tại địa phương.

Dự kiến thu nhập của mỗi thành viên: 9.000.000 – 11.000.000đ/tháng.

Kính mong Ủy ban nhân dân xã tạo điều kiện hỗ trợ, giúp đỡ chúng tôi được tiến hành xúc tiến các công việc cần thiết để tổ chức Hội nghị thành lập Hợp tác xã.

Người đại diện
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thúy An

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vĩnh An, ngày 16 tháng 9. năm 2024

ĐIỀU LỆ HỢP TÁC XÃ MINH AN NHIÊN

Căn cứ Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp 5 ngày 20/6/2023, có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2024

Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BKHD&T của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Biểu mẫu thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và quy định về nội dung thông tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã.

Căn cứ dự thảo Điều lệ HTX và nhu cầu hợp tác của các thành viên tham gia Hợp tác xã.

Đồng thời, thiết kế xây dựng hợp tác xã trên cơ sở vận dụng một số nội dung chỉ đạo, định hướng tại Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới.

Căn cứ tình hình thực tế, hợp tác xã Minh An Nhiên xây dựng điều lệ như sau:

Chương I

TÊN, ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ,

NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT, KINH DOANH CỦA HỢP TÁC XÃ

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng, địa chỉ trụ sở của hợp tác xã

1. Tên gọi của hợp tác xã

- Tên gọi đầy đủ: HTX Minh An Nhiên
 - Tên gọi tắt: HTX MIAN
 - Tên của hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài: MINH AN NHIEN Co-operative

2. Biểu tượng của hợp tác xã: ..

- a) Địa chỉ trụ sở chính: Tô 4B, hẻm 272, đường Phan Chu Trinh, khu phố 3, thị trấn

Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu,

Sé s = 6,6 (10)

Số điện thoại: 0862/93/63 So fax (nếu có).....
Địa chỉ thư điện tử (nếu có)

Địa chỉ thư điện tử (nếu có).....
Địa chỉ trang Web (nếu có)

- b) Địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện, doanh nghiệp trực thuộc hợp tác xã (nếu có): Thôn (tổ dân phố):, xã (phường, thị trấn):, huyện (thành phố, thị xã):, tỉnh

Điều 2. Mục tiêu hoạt động của hợp tác xã

- I.** Sản xuất các sản phẩm chăm sóc da, tóc và sản phẩm làm sạch từ nguyên liệu thiên nhiên, kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại. Sản phẩm vừa giữ được giá trị tự nhiên, vừa tiện dụng cho người tiêu dùng với mức giá hợp lý.

2. Tạo việc làm, tăng thu nhập cho thành viên và người lao động;

3. Hợp tác giao lưu tao đổi kinh nghiệm phát triển kinh tế với các hợp tác xã và các tổ chức, nhau khác.

4. Thành viên Liên minh hợp tác xã khác nhau thúc đẩy phong trào hợp tác xã trên.

1. Sản xuất và chế biến thảo dược:

Trồng và thu hoạch các loại thảo dược Chiết xuất thảo dược thành nguyên liệu dùng trong sản xuất sản phẩm tiêu dùng.

2. Sản xuất sản phẩm tiêu dùng từ thảo dược:

Sản xuất các sản phẩm tiêu dùng từ thảo dược như dầu gội đầu, sữa rửa mặt, sữa tắm, nươ

rửa chén, và nước lau sàn.

Đảm bảo các sản phẩm đều thân thiện với môi trường, không chứa hóa chất độc hại và an to

Điều 4. Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã

Chủ tịch hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã.

Chương II. THÀNH VIÊN

Điều 5. Đổi tượng gia nhập hợp tác xã

- Cá nhân:
- Hộ gia đình;
- Pháp nhân (trừ quỹ từ thiện và quỹ xã hội)

Điều 6. Điều kiện trở thành thành viên hợp tác xã

1. Đối với cá nhân

- Là công dân Việt Nam, đủ từ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Có đơn xin gia nhập hợp tác xã, có nhu cầu hợp tác với các thành viên và nhu cầu sử dụng, sản xuất kinh doanh sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã, tuân thủ điều lệ, nội quy, quy chế của hợp tác xã;

- Góp vốn theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 22 của Điều lệ này; có thể góp sức dưới các hình thức trực tiếp quản lý, trực tiếp tham gia lao động sản xuất, tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 22.

- Là hộ gia đình mà các thành viên trong hộ có cùng tài sản chung để hoạt động;
- Hộ gia đình phải có người đại diện bằng giấy ủy quyền. Người đại diện phải có đủ các điều kiện như đối với cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này.

- Đối với pháp nhân
- Là hộ gia đình mà các thành viên trong hộ có cùng tài sản chung để hoạt động;
- Hộ gia đình phải có người đại diện bằng giấy ủy quyền. Người đại diện phải có đủ các điều kiện như đối với cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này.

- Cơ quan, tổ chức là pháp nhân Việt Nam, có đơn xin gia nhập hợp tác xã. Người đứng tên trong đơn phải là đại diện theo pháp luật của pháp nhân và tham gia vào hoạt động của hợp tác xã, thực hiện các nghĩa vụ của một thành viên theo quy định tại khoản 2, Điều 8 của Điều lệ này. Người đại diện theo pháp luật của pháp nhân có thể ủy quyền cho cá nhân khác là người trong bộ máy lãnh đạo của pháp nhân làm đại diện tham gia hợp tác xã. Người đại diện phải có đủ các điều kiện như đối với cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này.

- Thành viên liên kết không góp vốn có nghĩa vụ quy định tại các điểm a, c, d, đ và e khoản 1 Điều

- Nghĩa vụ quy định tại các điểm b, đ và e khoản 1 Điều này.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của thành viên

1. Quyền của thành viên

Thành viên có các quyền sau đây:

- Được ưu tiên làm việc cho hợp tác xã khi hợp tác xã có nhu cầu tuyển dụng lao động; được hợp tác xã cung ứng sản phẩm, dịch vụ theo hợp đồng dịch vụ;
- Được trả công lao động theo quy định của hợp tác xã, được chia lãi theo vốn góp, công sức đóng góp;
- Được hưởng các phúc lợi của hợp tác xã; được hợp tác xã thực hiện các cam kết kinh tế;
- Được khen thưởng khi có nhiều đóng góp trong việc xây dựng và phát triển hợp tác xã;
- Được tham dự hoặc bầu đại biểu tham dự đại hội thành viên;
- Được biểu quyết các nội dung thuộc quyền của đại hội thành viên theo quy định tại điểm c khoản 3, Điều 15 của Điều lệ này;
- Được ứng cử, đề cử thành viên hội đồng quản trị, giám đốc, kiểm soát viên giải trình về hoạt động thường theo quy định tại điểm b, đ, khoản 2, Điều 15 của Điều lệ này;
- Được cung cấp thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động của hợp tác xã; Được hợp tác xã cung cấp các thông tin kinh tế, kỹ thuật cần thiết; được hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ nghiệp vụ phục vụ hoạt động của hợp tác xã;
- Được trả khói hợp tác xã theo quy định tại Điều 9 của Điều lệ này;
- Được trả lại vốn góp khi ra khỏi hợp tác xã theo quy định tại khoản 4, Điều 22 của Điều lệ này; Được chuyển vốn góp và các quyền lợi, nghĩa vụ của mình cho người khác khi đủ các điều kiện là thành viên hợp tác xã quy định tại khoản 1, Điều 6 của Điều lệ này;
- Được chia giá trị tài sản được chia còn lại của hợp tác xã theo quy định tại khoản 4, Điều 28 của Điều lệ này;
- Được khiếu nại, tố cáo, khởi kiện theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của thành viên

1. Thành viên chính thức có nghĩa vụ sau đây:

- Góp đủ, đúng thời hạn phần vốn góp đã cam kết theo quy định của Điều lệ;
- Sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã đã đăng ký hoặc góp sức lao động theo thỏa thuận với hợp tác xã;
- Chủ trách nhiệm về các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính của hợp tác xã trong phạm vi phần vốn góp vào hợp tác xã;
- Bồi thường thiệt hại do mình gây ra cho hợp tác xã theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
- Tuân thủ tôn chỉ, mục đích, Điều lệ, quy chế của hợp tác xã, nghị quyết Đại hội thành viên và quyết định của Hội đồng quản trị đối với tổ chức quản trị rủi ro;

- Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
- Thành viên liên kết góp vốn có nghĩa vụ quy định tại các điểm a, c, d, đ và e khoản 1 Điều này.

- Nopol phi thành viên theo quy định của Điều lệ. Phi thành viên không phải là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Phi và lê phí.

- Nghĩa vụ quy định tại các điểm b, đ và e khoản 1 Điều này.

3. Điều kiện chuyển quyền và nghĩa vụ của thành viên

- a) Thành viên hợp tác xã có quyền chuyển quyền và nghĩa vụ của mình cho người khác là thành viên hợp tác xã khi người được chuyển quyền đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 6 của Điều lệ này, có đơn xin gia nhập hợp tác xã và được hợp tác xã chấp nhận;
- b) Thành viên hợp tác xã có quyền chuyển quyền lợi và nghĩa vụ cho người là thành viên tại thời điểm số vốn góp của người chuyển và người được chuyển không quá 20% vốn lệ của hợp tác xã.

4. Thủ tục chuyển quyền và nghĩa vụ của thành viên

- a) Thành viên phải làm đơn xin chuyển quyền và nghĩa vụ của mình cho người được nhận và nghĩa vụ;

- b) Hội đồng quản trị xem xét giải quyết và thông qua ký ký đại hội thành viên gần nhất.

Điều 9. Thành viên xin ra hợp tác xã

1. Điều kiện thành viên xin ra hợp tác xã

- a) Thành viên chuyên nơi cư trú;

- b) Thành viên tham gia các tổ chức kinh tế khác;

- c) Các trường hợp khác xin ra hợp tác xã khi có lý do chính đáng.

2. Thủ tục xem xét, giải quyết đơn xin ra hợp tác xã:

3. Thủ tục thành viên xin ra hợp tác xã

- a) Thành viên làm đơn xin ra hợp tác xã gửi hội đồng quản trị hợp tác xã, trong đó nêu rõ lý xin ra hợp tác xã;

- b) Thành viên xin ra hợp tác xã phải hoàn thành các nghĩa vụ đối với hợp tác xã trước khi hợp tác xã;

- c) Hội đồng quản trị xem xét, lập hồ sơ, chủ động giải quyết việc tự nguyện xin ra hợp tác xã của thành viên và báo cáo kết quả giải quyết tại đại hội thành viên gần nhất.

Điều 10. Chấm dứt tư cách thành viên, thủ tục chấm dứt tư cách thành viên và giải quyết quyền lợi, nghĩa vụ đối với thành viên trong các trường hợp chấm dứt tư cách thành viên

1. Điều kiện chấm dứt tư cách của thành viên

- Các trường hợp chấm dứt tư cách thành viên chính thức:

- a) Thành viên là cá nhân đã chết; b) Tòa án tuyên bố là đã chết, mất tích, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;

- b) Thành viên là tổ chức chấm dứt tồn tại, giải thể, phá sản;

- c) Hợp tác xã chấm dứt tồn tại, giải thể, phá sản;

- d) Thành viên từ nguyện ra khỏi hợp tác xã;

- e) Thành viên bị khai trừ theo quy định của Điều lệ;

- f) Thành viên không sử dụng sản phẩm, dịch vụ hoặc không góp sức lao động trong thời gian liên tục theo quy định của Điều lệ;

- g) Tài thời điểm cam kết góp đủ vốn, thành viên không thực hiện góp vốn hoặc góp vốn thấp hơn vốn góp tối thiểu quy định trong Điều lệ.

- Các trường hợp chấm dứt tư cách thành viên liên kết góp vốn theo quy định tại các điểm a, b, c, d và g khoản 1 Điều này.

- Các trường hợp chấm dứt tư cách thành viên liên kết không góp vốn:

- a) Các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều này;

- b) Không nộp phí thành viên theo quy định của Điều lệ.

- Thủ tục quyết định chấm dứt tư cách thành viên, giải quyết quyền, nghĩa vụ đối với thành viên trong trường hợp chấm dứt tư cách thành viên thực hiện theo quy định của Luật HTX năm 2023 và Điều lệ này.

2. Thủ tục chấm dứt tư cách thành viên

- a) Đối với trường hợp thành viên chấm dứt tư cách tại các điểm e, g khoản 1 Điều này thì hội đồng quản trị trình đại hội thành viên quyết định sau khi có ý kiến của kiêm soát viên;

- b) Đối với các trường hợp khác, hội đồng quản trị hợp tác xã quyết định và báo cáo đại hội thành viên gần nhất.

3. Giải quyết quyền lợi, nghĩa vụ đối với thành viên trong các trường hợp chấm dứt tư cách thành viên

- a) Thành viên chấm dứt tư cách tại điểm a khoản 1 Điều này thì người thừa kế nếu đáp ứng đủ điều kiện quy định tại khoản 1, Điều 6 của Điều lệ này, tự nguyện tham gia hợp tác xã thi trở thành thành viên và tiếp tục thực hiện các quyền, nghĩa vụ của thành viên, nếu không tham gia hợp tác xã thì được hưởng thừa kế theo quy định của pháp luật. Trường hợp vốn góp của thành viên là cá nhân không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì vốn góp được giải quyết theo quy định của pháp luật. Trường hợp người thừa kế tự nguyện để lại tài sản thừa kế cho hợp tác xã thì vốn góp đó được đưa vào tài sản không chia của hợp tác xã;

- b) Thành viên chấm dứt tư cách tại điểm b khoản 1 Điều này thì vốn góp được trả lại thông qua người giám hộ;

- c) Thành viên chấm dứt tư cách tại điểm c khoản 1 Điều này thì việc trả lại vốn góp và quản lý tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật;

- d) Thành viên chấm dứt tư cách trong các trường hợp quy định tại các điểm d, e của khoản 1 Điều này thì được hợp tác xã giải quyết toàn bộ quyền lợi của thành viên theo quy định tại điểm i, khoản 8 của Điều lệ này;

- d) Thành viên chấm dứt tư cách trong trường hợp quy định tại điểm d, k của khoản 1 Điều này thì việc trả lại vốn góp được thực hiện theo quy định tại điểm f, i của khoản 1 Điều này thì thành viên mới, có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1, Điều 6 của Điều lệ này sẽ được thừa hưởng số vốn chuyển nhượng;

- d) Thành viên chấm dứt tư cách trong trường hợp quy định tại điểm g, h, i của khoản 1 Điều này chỉ được thành toán các khoản đóng góp của thành viên vào hợp tác xã theo tỷ lệ vốn góp vào thời điểm thành toán;

- Tất cả các thành viên khi chấm dứt tư cách thành viên hợp tác xã đều phải thanh toán hết các khoản công nợ với hợp tác xã;

- Thủ tục xem xét, giải quyết đơn xin ra hợp tác xã và thời gian thành toán không quá 30 ngày.

Điều 11. Biện pháp xử lý đối với thành viên nợ quá hạn

- Đối với các khoản nợ quá hạn của thành viên, hội đồng quản trị và kiêm soát viên sẽ tiến hành hợp cản cứ vào nguyên nhân cụ thể của từng món nợ để xử lý theo quy định của pháp luật trình đại hội thành viên.

Điều 12. Hợp đồng dịch vụ giữa HTX với thành viên, mức độ thường xuyên sử dụng sản phẩm, dịch vụ

Căn cứ vào tình hình triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX, Đại hội thành viên sẽ có Nghị quyết về việc phân phối sử dụng sản phẩm hoặc ký hợp đồng sử dụng dịch vụ giữa HTX với thành viên cho từng dịch vụ.

Nội dung hợp đồng dịch vụ phải bao gồm nghĩa vụ cung ứng và sử dụng sản phẩm, dịch vụ; giá và phương thức thanh toán sản phẩm, dịch vụ. Nội dung hợp đồng dịch vụ giữa HTX và thành viên đối với lĩnh vực tạo việc làm là nội dung hợp đồng lao động giữa HTX và thành viên.

Mọi thành viên có trách nhiệm sử dụng ít nhất một sản phẩm, dịch vụ theo ngành nghề đang ký hoạt động của HTX, việc sử dụng sản phẩm, dịch vụ của HTX cung cấp cần có Nghị quyết của Đại hội thành viên và các hợp đồng dịch vụ riêng lẻ giữa thành viên với HTX.

Điều 13. Nguyên tắc và đổi tượng đóng bao hiểm xã hội bắt buộc

1. Hợp tác xã đóng bảo hiểm xã hội cho những thành viên và người lao động làm việc thường xuyên cho hợp tác xã, có hương tiện công, tiền lương của hợp tác xã thực hiện đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của Bộ luật Lao động.

2. Hợp tác xã thông qua đại hội thành viên ban hành mức tiền công, tiền lương để trả cho viên và người lao động và là căn cứ để đóng BHXH theo quy định của pháp luật.
Thành viên, người lao động không thuộc đối tượng đóng bao hiểm xã hội bắt buộc thi tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện theo quy định của Bộ luật Lao động.

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ HỢP TÁC XÃ

Chương III

Điều 14. Cơ cấu tổ chức hợp tác xã

Cơ cấu tổ chức hợp tác xã gồm đại hội thành viên, hội đồng quản trị, giám đốc và kiểm soát viên.

Điều 15. Đại hội thành viên

1. Hình thức đại hội thành viên

a) Đại hội thành viên có quyền quyết định cao nhất của hợp tác xã. Đại hội thành viên gồm đại hội thành viên thường niên và đại hội thành viên bất thường.

b) Đại hội thành viên được tổ chức dưới hình thức (tùy theo tình hình cụ thể): đại hội đại biểu nếu hợp tác xã có 100 thành viên trở lên, đại hội toàn thể nếu hợp tác xã có dưới 100 thành viên) gọi chung là đại hội thành viên

2. Thủ tục tiến hành đại hội thành viên

1. Đại hội thành viên là cơ quan quyết định cao nhất của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Đại hội thành viên họp thường niên mỗi năm một lần và có thể họp bất thường theo số phiếu quan trọng nhất của đại hội thành viên.

2. Đại hội thành viên được tổ chức dưới hình thức đại hội toàn thể hoặc đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể bao gồm các thành viên chính thức tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội thành viên. Đại hội đại biểu bao gồm các đại biểu đại diện cho các thành viên chính thức tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội thành viên. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tổng số thành viên chính thức từ 50 thành viên trở lên có thể tổ chức đại hội đại biểu.

Cuộc họp Đại hội thành viên có thể mời thành viên liên kết góp vốn, thành viên liên kết không giúp vốn tham dự.
3. Cuộc họp Đại hội thành viên có thể được tổ chức bằng hình thức họp trực tiếp, họp trực tuyến hoặc kết hợp giữa họp trực tiếp và họp trực tuyến.

4. Cuộc họp Đại hội thành viên phải được ghi biển báo, có thể ghi âm, ghi hình để cung cấp cho các thành viên đều có vé vào cửa. Biển báo họp phải có chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trong hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký thì biển báo họp có hiệu lực nếu được ghi trên 50% thành viên tham dự đồng ý ký; biển báo ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký. Người ký tên trong biển báo họp chịu trách nhiệm liên đồn về tính chính xác và trung thực của biển báo họp.

3. Thủ tục thông qua quyết định của đại hội thành viên

1. Thành viên, đại biểu được xác định là thành viên và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội thành viên thông tin rõ ràng sau đây:

a) Thành lập và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
b) Thành lập và biểu quyết thông qua ủy quyền;
c) Hân ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

2. Các nội dung sau đây được Đại hội thành viên thông qua khi có ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết tán thành của thành viên, đại biểu tham dự và biểu quyết theo quy định tại khoản 1 Điều này:

a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ;

b) Quyết định việc đầu tư hoặc bán tài sản chung được chia có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; quyết định việc đầu tư hoặc bán tài sản chung không chia;

c) Thay đổi tổ chức quản trị của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

d) Tổ chức lại, giải thể, phà san hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Các nội dung không thuộc quy định tại khoản 2 Điều này được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu biểu quyết tán thành của thành viên, đại biểu tham dự và biểu quyết theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Đối với Đại hội thành viên của liên hiệp hợp tác xã, mỗi thành viên chính thức tham dự đại hội toàn thể có một phiếu biểu quyết có giá trị ngang nhau, không phụ thuộc vào phần vốn góp hay chức vụ thành viên. Mỗi đại biểu tham dự đại hội đại biểu có số phiếu biểu quyết bằng số lượng thành viên uy quyền.

5. Đối với Đại hội thành viên của liên hiệp hợp tác xã, mỗi thành viên chính thức hoặc đại biểu thành viên chính thức tham dự có số lượng phiếu biểu quyết ngang nhau hoặc khác nhau tương ứng theo số lượng thành viên chính thức của các hợp tác xã thành viên do Điều lệ của liên hiệp hợp tác xã quy định.

6. Phiếu biểu quyết và biên bản kiểm phiếu tại Đại hội thành viên phải được lưu trữ.

4. Nội dung đại hội thành viên

a) Thông qua bao cáo kết quả hoạt động trong năm; bao cáo hoạt động của hội đồng quản trị và kiểm soát viên;

b) Phê duyệt bao cáo tài chính;

c) Phương án phân phối thu nhập và xử lý khoản lỗ, khoản nợ; lập tỷ lệ trích các quỹ; (*phuong an phan phoi thu nhap va xu ly khoan lo, khoan nua; lap ty le trich cac quy*); (*phuong an tien luong va cac khoan thu nhap cho nguoi lao dong doi voi hop tac xah lao viec lam*).

d) Phương án sản xuất, kinh doanh;

d) Đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

e) Góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp, liên doanh, liên kết, thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện; tham gia liên hiệp hợp tác xã, tổ chức đại diện của hợp tác xã;

f) Tăng, giảm vốn điều lệ, vốn góp tối thiểu; tham quyền quyết định và phương thức huy động vốn;

g) Xác định giá trị tài sản và tài sản không chia;

h) Cơ cấu tổ chức của hợp tác xã;

i) Viết thành viên hội đồng quản trị đồng thời là giám đốc hoặc thuê giám đốc;

k) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch hội đồng quản trị, thành viên hội đồng quản trị, kiểm soát viên; tăng, giảm số lượng thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát;

l) Chuyển nhượng thành lý, xử lý tài sản cố định;

m) Tổ chức lại, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, phà san hợp tác xã;

n) Sửa đổi, bổ sung điều lệ, nội quy của hợp tác xã;

o) Mức thù lao, tiền thưởng của thành viên hội đồng quản trị, kiểm soát viên; tiền công, tiền lương và tiền thưởng của giám đốc, phó giám đốc và các chức danh quản lý khác theo quy định của điều lệ;

p) Chấn chỉnh cách thành viên theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Điều lệ này;

q) Các đổi tượng được HTX đóng BHXH theo chính sách BHXH bắt buộc của Nhà nước;

v) Những nội dung khác do hội đồng quản trị, kiểm soát viên hoặc ít nhất một phần ba thành viên đề nghị.

Điều 16. Hội đồng quản trị hợp tác xã

1. Số lượng thành viên hội đồng quản trị là 03 người, gồm: 01 Chủ tịch và 02 ủy viên.

2. Nhiệm kỳ của hội đồng quản trị là 03 năm.

3. **Hội đồng quản trị hợp tác xã hợp 03 tháng** một lần do chủ tịch hội đồng quản trị triệu và chủ trì.

Hội đồng quản trị họp bất thường khi chủ tịch hội đồng quản trị, kiểm soát viên ít nhất 1/3 tổng số thành viên hội đồng quản trị yêu cầu. Hội đồng quản trị họp tại xã hội đồng theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo da số. Trong trường hợp biểu quyết mà số phiếu tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về chủ tịch hội đồng quản trị, tức xã.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên hội đồng quản trị

a) Thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên hợp tác xã, có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ, năng lực quản lý hợp tác xã;

b) Không đồng thời là kiêm soát viên, kế toán, thủ quỹ của cùng hợp tác xã và không phải là cha, mẹ đẻ; cha, mẹ ruột; vợ, chồng; con, con nuôi; anh, chị, em ruột của kiêm soát viên, giám đốc, kế toán, thủ quỹ và thành viên hội đồng quản trị khác.

5. Quyền và nhiệm vụ của hội đồng quản trị

a) Quyết định tổ chức các bộ phận giúp việc, đơn vị trực thuộc của hợp tác xã theo quy định của điều lệ;

b) Tổ chức thực hiện nghị quyết của đại hội thành viên và đánh giá kết quả hoạt động của hợp tác xã;

c) Chuẩn bị và trình đại hội thành viên sửa đổi, bổ sung điều lệ, báo cáo kết quả hoạt động, phương án sản xuất, kinh doanh và phương án phân phối thu nhập của hợp tác xã, báo cáo hoạt động của hội đồng quản trị;

d) Trình đại hội thành viên xem xét, thông qua báo cáo tài chính, việc quản lý, sử dụng các quỹ của hợp tác xã;

e) Trình đại hội thành viên phương án về mức thù lao, tiền thưởng của thành viên hội đồng quản trị, kiểm soát viên; mức tiền công, tiền lương và tiền thưởng của giám đốc, phó giám đốc;

f) Chuyển nhượng, thanh lý, xử lý tài sản lưu động của hợp tác xã, theo thẩm quyền do đại hội thành viên giao;

g) Kết nạp thành viên mới theo quy định tại khoản 3, Điều 7 của Điều lệ này; Giải quyết chuyển quyền và nghĩa vụ của thành viên theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 8 của Điều lệ này; Xử lý nợ quá hạn của thành viên quy định tại Điều 11 của Điều lệ này bao cáo đại hội thành viên;

h) Dành giá hiệu quả hoạt động của giám đốc, phó giám đốc;

i) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, thuê hoặc chấm dứt hợp đồng thuê giám đốc theo nghị quyết của đại hội thành viên;

j) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, thuê hoặc chấm dứt hợp đồng thuê phó giám đốc và các chức danh khác theo đề nghị của giám đốc;

k) Khen thưởng, kỷ luật thành viên; khen thưởng các cá nhân, tổ chức không phải là thành viên nhưng có công xây dựng, phát triển hợp tác xã;

l) Thông báo tới các thành viên nghị quyết, quyết định của đại hội thành viên, hội đồng quản trị;

m) Huy động vốn theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 24 Điều lệ này;

n) Ban hành quy chế hoạt động của hội đồng quản trị để thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. Chủ tịch chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước đại hội thành viên và trước pháp luật.

Điều 17. Chủ tịch hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội nghị thành lập hoặc Đại hội thành viên bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm trong số thành viên chính thức hoặc Hội đồng quản trị bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị được thực hiện bằng phiếu kín.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Chịu trách nhiệm trước Đại hội thành viên và Hội đồng quản trị về nhiệm vụ được giao;

b) Ký Điều lệ và nghị quyết thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; các văn bản của Hội nghị thành lập, Đại hội thành viên, ký văn bản của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch và phân công nhiệm vụ thành viên Hội đồng quản trị;

d) Chuẩn bị nội dung, chương trình, triệu tập và chủ trì cuộc họp của Hội đồng quản trị, Đại hội thành viên, trừ trường hợp Luật này hoặc Điều lệ có quy định khác;

e) Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ;

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị đã chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị han chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cầm đầu nhiệm chức vụ, cầm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thi việc bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị được thực hiện như sau:

a) Hội đồng quản trị bầu một người trong số các thành viên còn lại làm Chủ tịch Hội đồng quản trị cho đến khi Đại hội thành viên gần nhất bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị;

b) Hội đồng quản trị bầu một người trong số các thành viên còn lại làm Chủ tịch Hội đồng quản trị trong trường hợp Hội đồng quản trị được Đại hội thành viên ủy quyền bầu Chủ tịch Hội đồng quản tri.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc (Tổng giám đốc) thi thực hiện thêm nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc (Tổng giám đốc) quy định tại khoản 4 Điều 68 của Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 (được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp 5 ngày 20/6/2023, có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2024)

Điều 18. Giám đốc

1. Bổ nhiệm giám đốc

Đại hội thành viên hợp tác xã thống nhất việc chủ tịch HDQT làm giám đốc hợp tác xã. Giám đốc hợp tác xã là người điều hành hoạt động của hợp tác xã.

2. Quyền hạn và nhiệm vụ của giám đốc

a) Trình Hội đồng quản trị các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Thực hiện các nghị quyết của Hội nghị thành lập; Đại hội thành viên, nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị; ký kết hợp đồng nhận danh hiệu hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo thẩm quyền;

c) Tổ chức thực hiện phương án sản xuất, kinh doanh; quyết định địa điểm kinh doanh;

d) Chịu trách nhiệm trong hoạt động mua chung, bán chung sản phẩm, dịch vụ cho các thành viên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

e) Quản lý, kết nạp hoặc chấm dứt tư cách thành viên liên kết không góp vốn và báo cáo Hội đồng quản trị; tuyển dụng lao động; quyết định khen thưởng, kỷ luật thành viên liên kết không góp vốn, người lao động;

e) Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện của giám đốc, phó giám đốc

a) Giám đốc, phó giám đốc hợp tác xã phải có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ, năng lực, hành nghề tốt;

b) Không đồng thời là thành viên kiêm soát viên, kế toán, thủ quỹ của cùng hợp tác xã và là phái là cha, mẹ đẻ; cha, mẹ nuôi; vợ, chồng; con, con nuôi; anh, chị, em ruột thành viên.

Điều 19. Kiểm soát viên

1. Cơ cấu bộ máy

Hợp tác xã quyết định không thành lập ban kiểm soát mà chỉ bầu một kiêm soát viên. Do đó, hội thành viên bầu trực tiếp, hoạt động độc lập, kiểm tra và giám sát hoạt động của hợp tác xã.

2. Nhiệm kỳ của kiêm soát viên

Nhiệm kỳ của kiêm soát viên theo nhiệm kỳ của hội đồng quản trị.

3. Kiểm soát viên chịu trách nhiệm trước đại hội thành viên và có quyền hạn, nhiệm vụ

dưới:

a) Kiểm tra việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ, nghị quyết của Đại hội thành viên, quy chế của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Giám sát hoạt động của Giám đốc, thành viên theo quy định của pháp luật, Điều lệ, nghị quyết của Đại hội thành viên, các quy chế của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

c) Kiểm tra hoạt động tài chính, việc chấp hành chế độ kế toán, phân phối thu nhập, xử lý các khoản lỗ, sử dụng các quỹ, tài sản, vốn vay của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các khoản hỗ trợ của Nhà nước;

d) Tham định báo cáo tài chính hàng năm trước khi trình Đại hội thành viên; tổ chức việc kiểm toán nội bộ khi cần thiết;

d) Yêu cầu cung cấp tài liệu, sổ sách, chứng từ và những thông tin cần thiết để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát nhưng không được sử dụng các tài liệu, thông tin đó vào mục đích khác;

e) Báo cáo trước Đại hội thành viên về kết quả kiêm soát; kiến nghị Giám đốc khắc phục những yếu kém, vi phạm trong hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

g) Triển nhân kiến nghị, giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị Giám đốc, Đại hội thành viên giải quyết theo thẩm quyền;

h) Chuẩn bị chương trình và triệu tập Đại hội thành viên bất thường;

i) Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện kiêm soát viên

a) Kiểm soát viên phải là thành viên hợp tác xã, có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ, năng lực kiêm tra, giám sát hợp tác xã;

b) Không đồng thời là thành viên hội đồng quản trị, giám đốc, phó giám đốc, kế toán, thủ quỹ của cùng hợp tác xã và không phải là cha, mẹ đẻ; cha, mẹ nuôi; vợ, chồng; con, con nuôi; anh, chị, em ruột của thành viên hội đồng quản trị.

Điều 20. Tổ chức chính trị - xã hội trong hợp tác xã

1. Hợp tác xã được thành lập các tổ chức chính trị - xã hội trong hợp tác xã khi có đủ điều kiện và tổ chức hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

2. Hợp tác xã có trách nhiệm tuân thủ điều kiện thuận lợi để thành viên, người lao động thành lập và tham gia các tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương IV TÀI SẢN, TÀI CHÍNH CỦA HỢP TÁC XÃ	
I. Vốn điều lệ của hợp tác xã	(Bảng chữ: năm trăm triệu đồng).
1. Vốn điều lệ của hợp tác xã là:	500.000.000đ
2. Vốn điều lệ của hợp tác xã có thể tăng hoặc giảm và được điều chỉnh theo quyết định của đại hội thành viên.	
Điều 21. Vốn điều lệ của hợp tác xã	Khi tăng hoặc giảm vốn điều lệ, hợp tác xã phải đăng ký với cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã để được cấp giấy chứng nhận đăng ký mới.
Điều 22. Vốn góp của thành viên	
1. Mức vốn góp tối thiểu của thành viên	
a) Mỗi thành viên tham gia hợp tác xã phải góp tối thiểu: 50.000.000đ. (Bảng chữ: năm mươi triệu đồng).	
b) Ngoài mức vốn góp tối thiểu, thành viên có thể góp thêm vốn vào hợp tác xã nhưng số vốn góp của mỗi thành viên không quá 30% vốn điều lệ của hợp tác xã tại mọi thời điểm.	
(Để đảm bảo bồi sung vốn hoạt động và gán trách nhiệm của cán bộ với hoạt động của HTX, Điều lệ nên quy định căn cứ quản lý, điều hành HTX phải nộp cao hơn mức vốn góp tối thiểu – cụ thể bằng 10% vốn Điều lệ)	
Khi góp dù vốn, thành viên được hợp tác xã cấp giấy chứng nhận vốn góp.	
2. Hình thức góp vốn	
Vốn góp là tiền đồng Việt Nam, các loại tài sản khác được quy đổi ra tiền đồng Việt Nam bao gồm ngoại tệ, hiện vật, giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ và các loại giấy tờ giá tại thời điểm góp vốn.	
a) Trong hợp đồng góp vốn bằng ngoại tệ thì quy đổi ra tiền Việt Nam theo tỷ giá Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm góp vốn;	
b) Trường hợp góp vốn bằng tài sản, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ và các loại giấy tờ khác thì phải quy ra tiền Việt Nam, việc xác định giá trị vốn góp phải có sự thoả thuận của hội đồng quản trị hợp tác xã và người góp vốn. Trường hợp cần thiết phải thành lập ban định giá gồm đại diện của hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và thành viên bảo đảm tính khách quan, công khai, minh bạch.	
Tài sản, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ và các loại giấy tờ khác đem góp vốn là tài sản chung của hợp tác xã.	
3. Thời hạn góp vốn của thành viên	
Thành viên góp vốn lần đầu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày đại hội thông qua việc kết nạp. Mức vốn góp không thấp hơn 50% số vốn đã đăng ký. Có thể góp vốn làm nhiều lần nhưng thời gian góp dù vốn đã đăng ký không quá 6 tháng kể từ ngày đại hội thông qua việc kết nạp thành viên.	
4. Trả lại vốn góp cho thành viên	
a) Điều kiện trả lại vốn góp.	
Hợp tác xã trả lại vốn góp cho thành viên khi chấm dứt tư cách thành viên hoặc trả lại phần vốn vượt quá mức vốn góp tối đa khi vốn góp của thành viên vượt quá mức vốn tối đa quy định tại khoản 2 Điều 22 của Điều lệ này.	
Hợp tác xã trả lại vốn góp cho thành viên khi thành viên chấm dứt tư cách được quy định tại khoản 1 Điều 10 của Điều lệ này.	
Việc trả lại vốn góp cho thành viên được quy định tại khoản 3 Điều 10 của Điều lệ này và chỉ được thực hiện sau khi hợp tác xã đã quyết toán thuế của năm tài chính và bao damn khả năng thanh toán các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính của hợp tác xã.	

- a) Quỹ đầu tư phát triển 20% lợi nhuận sau thuế;
- b) Quỹ dự phòng tài chính 5% lợi nhuận sau thuế.

3. Trích lập các quỹ khác, gồm:

- a) Quỹ khen thưởng 1% lợi nhuận sau thuế, quỹ này dùng để khen thưởng những tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất kinh doanh của hợp tác xã;
- b) Quỹ phúc lợi 2% lợi nhuận sau thuế, quỹ này dùng để chi phí cho hoạt động mang tính cống đồng trong hợp tác xã và xã hội, từ thiện;
- c) Quỹ đào tạo 2% lợi nhuận sau thuế, quỹ này dùng cho việc đào tạo, đào tạo lại cho cán bộ và thành viên hợp tác xã.

Các khoản quỹ trên đều phải mở sổ sách thu, chi theo đúng thủ tục chỉ; trong mỗi kỳ Đại hội thành viên phải được báo cáo công khai trước đại hội thành viên.

4. Chia cho thành viên

- a) Chia theo mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ, công sức đóng góp của thành viên 10%.
- b) Phần còn lại 60% chia cho thành viên theo vốn góp.

Điều 29. Quản lý tài chính, sử dụng và xử lý tài sản, vốn, quỹ và các khoản lỗ; các loại tài sản không chia

- 1. Thủ thức quản lý, sử dụng bảo toàn và xử lý tài sản chung, vốn tiết luỹ của hợp tác xã*
 - a) Tài sản thuộc sở hữu của hợp tác xã được hình thành từ vốn góp của thành viên; vốn huy động của thành viên và vốn huy động khác; vốn, tài sản được hình thành trong quá trình hoạt động của hợp tác xã; khoản trích, hỗ trợ của Nhà nước và khoản được tăng, cho khác.
 - b) Việc quản lý, sử dụng tài sản của hợp tác xã, kể cả việc mua, bán, chuyển nhượng, cho tặng, biếu hoặc các hình thức khác do đại hội thành viên quyết định và các quy định của pháp luật có liên quan về quản lý tài chính.
 - c) Hàng năm, hội đồng quản trị báo cáo đại hội thành viên về việc quản lý, sử dụng các quỹ và phương hướng sử dụng các quỹ của hợp tác xã trong năm tiếp theo.
- 2. Xử lý lỗ*

Kết thúc năm tài chính, nếu phát sinh lỗ được xử lý như sau:

- a) Giảm lỗ bằng các khoản thu của cá nhân, tổ chức có trách nhiệm liên đới theo quy định của pháp luật và điều lệ hợp tác xã;
- b) Giảm lỗ bằng khoản tiền bồi thường của các tổ chức bảo hiểm mà hợp tác xã đã mua bảo hiểm;
- c) Hợp tác xã sử dụng lợi nhuận trước thuế để bù lỗ năm trước theo quy định tại Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, nếu vẫn chưa đủ thì hợp tác xã sử dụng lợi nhuận sau thuế để bù đắp theo quyết định của đại hội thành viên;
- d) Trường hợp sử dụng các khoản trên vẫn chưa đủ bù lỗ thì số lỗ còn lại được bù đắp bằng quỹ dự phòng theo quyết định của đại hội thành viên;
- e) Khi sử dụng tất cả các khoản thu trên mà vẫn chưa đủ trang trải số thực lỗ thì số lỗ còn lại được chuyển sang năm sau theo quy định của pháp luật về thuế.

3. Tài sản không chia của hợp tác xã

Tài sản không chia của hợp tác xã bao gồm:

- a) Quyền sử dụng đất do Nhà nước giao đất, cho thuê đất;
- b) Khoan trại cấp, hỗ trợ không hoàn lại của Nhà nước; khoản được tặng, cho theo thỏa thuận là tài sản không chia (do đại hội thành viên quyết định);
- c) Phản trích lại từ quỹ đầu tư phát triển hàng năm bằng 20%/năm (*Do đại hội thành viên quyết định*).

Điều 30. Nguyên tắc trả thù lao, tiền thưởng cho thành viên hội đồng quản trị, kiểm soát viên, nguyên tắc trả tiền lương, tiền công, tiền thưởng và các khoản thu nhập cho người điều hành, người lao động

- 1. Tiền lương, phụ cấp cho thành viên hội đồng quản trị, kiểm soát viên, giám đốc, phó giám đốc, kế toán hợp tác xã và một số chức danh khác do hội đồng quản trị lập phuong an trình đại hội thành viên quyết định căn cứ hiệu quả hoạt động của hợp tác xã.*
- 2. Cán bộ Nghị định của Chính phủ quy định về mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở hợp tác xã có thuê mướn lao động ở từng thời điểm để chi trả tiền lương, phụ cấp cho thành viên hội đồng quản trị, kiểm soát viên, giám đốc, phó giám đốc, kế toán hợp tác xã và một số chức danh khác.*

3. Trong hợp quỹ tiền lương quản lý không đủ để chi trả theo định mức của các chức danh thì HTX phải mở rộng các hoạt động sản xuất, kinh doanh để tăng doanh thu và lợi nhuận.

4. Thành viên trực tiếp lao động và người lao động thuê ngoài được hưởng lương theo sản phẩm.

Điều 31. Định mức tiền lương, phụ cấp cho thành viên hội đồng quản trị, kiểm soát viên, giám đốc, phó giám đốc, kế toán hợp tác xã và một số chức danh khác

- | | |
|-------------------------------|------------|
| - Chủ tịch HDQT: | Hệ số: 1,0 |
| - Phó Chủ tịch, Ủy viên HDQT: | Hệ số: 1,0 |
| - Giám đốc (tổng giám đốc): | Hệ số: 1,0 |
| - Kiểm soát viên: | Hệ số: 1,0 |
| - Kế toán, kỹ thuật: | Hệ số: 1,0 |
| - Thủ kho, thủ quỹ: | Hệ số: 1,0 |

Điều 32. Kế toán, kiểm toán hợp tác xã

- 1. Hợp tác xã thực hiện chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán theo quy định của pháp luật.*
- 2. Hàng năm, kiểm soát viên hợp tác xã để xuất hội đồng quản trị thực hiện kiểm toán nội bộ.*

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Khen thưởng

Hàng năm, hội đồng quản trị và kiểm soát viên tổ chức họp bình xét thi đua để xét thưởng cho cán bộ, thành viên và người lao động có thành tích xuất sắc trong sản xuất – kinh doanh và xây dựng Hợp tác xã.

2. Kỷ luật

Khi thành viên vi phạm Điều lệ hợp tác xã thì tuỳ theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị xử lý. Cụ thể:

- a) Nếu gây hậu quả thiệt hại về mặt vật chất do vi phạm Điều lệ hợp tác xã, thành viên phải bồi thường;
- b) Trường hợp không gây hậu quả về mặt vật chất do vi phạm Điều lệ hợp tác xã, thành viên phải bồi thường;
- c) Các tranh chấp trong nội bộ hợp tác xã, hợp tác xã giải quyết trên cơ sở hòa giải giữa thành viên với nhau và giữa thành viên với hợp tác xã theo nguyên tắc bình đẳng, hợp tác; trường hợp không giải quyết được thì trình đại hội thành viên xem xét, quyết định;

b) Trường hợp đại hội thành viên không giải quyết được thì đề nghị cấp có thẩm quyền hoặc khiếu kiện ra Toà án.

Điều 34. Chia tách, hợp nhất, giải thể, phá sản hợp tác xã

Trường hợp hợp tác xã chia tách, hợp nhất, giải thể, phá sản thì thủ tục tiến hành theo quy định tại các Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 95 và Điều 96 Luật Hợp tác xã năm 2023

Điều 35. Thủ thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ hợp tác xã

1. Việc quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ hợp tác xã được thực hiện theo điểm a khoản 15 của Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phương án sửa đổi, bổ sung Điều lệ hợp tác xã trình đại hội thành viên quyết định.

3. Sau khi sửa đổi và bổ sung Điều lệ, hợp tác xã gửi điều lệ sửa đổi, bổ sung kèm theo bản hoặc nghị quyết đại hội thành viên đến cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

Điều 36. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hợp tác xã Minh An Nhiên gồm 5 chương, 35 điều, được Đại hội thành viên qua ngày 16. tháng 9..năm 2024 và có hiệu lực từ ngày Hợp tác xã được cấp giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã.

2. Hội đồng quản trị hợp tác xã xây dựng quy chế, nội quy về quản lý và sử dụng tài sản hợp tác xã; sử dụng lao động, khen thưởng; xử lý vi phạm trong hợp tác xã; chế độ lao động của hội đồng quản trị, kiểm soát viên, giám đốc hợp tác xã và các chức danh khác trong hợp tác xã.

3. Mọi sửa đổi và bổ sung Điều lệ, hợp tác xã phải thông qua đại hội thành viên.

4. Tất cả thành viên hợp tác xã có trách nhiệm thi hành nghiêm chỉnh các quy định của Điều lệ này.

5. Điều lệ Hợp tác xã Minh An Nhiên là văn bản pháp lý của hợp tác xã được gửi đến cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và toàn thể thành viên hợp tác xã./

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA HỢP TÁC XÃ CHỦ TỊCH HĐQT

NGUYỄN THỊ THÚY AN